

SO SÁNH ĐẦU ĐỀ BÁO TIẾNG VIỆT, TIẾNG TRUNG VÀ VẤN ĐỀ ĐỐI DỊCH

Nguyễn Thành Công*

Bài viết bàn về chức năng của đầu đề báo với tư cách là bộ phận cấu thành quan trọng trong một bài báo, so sánh đầu đề báo tiếng Việt, tiếng Trung từ góc độ từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc, chỉ ra sự giống và khác nhau giữa chúng. Bài viết khẳng định quan điểm dịch báo chí (trong đó có dịch đầu đề báo từ tiếng Việt sang tiếng Trung) là nhằm mục đích thực hiện hành vi truyền thông một cách có mục đích. Để hành vi ấy đạt hiệu quả, khi dịch nên ứng dụng lý thuyết dịch chức năng, bởi lý thuyết này phù hợp với việc dịch báo chí và bản dịch có giá trị thông tin hơn. Trong phần cuối, trên cơ sở kết quả so sánh giữa đầu đề báo Việt-Trung, kết hợp với những gợi ý của lý thuyết dịch chức năng, bài báo giới thiệu một số cách dịch cụ thể khi dịch đầu đề báo và đưa nhiều ví dụ cụ thể để chứng minh.

Từ khóa: đầu đề báo; lý luận dịch chức năng; chiến lược dịch.

The study discusses the functions of newspaper headlines as a vital component of an article and compares Vietnamese and Chinese headlines from the lexical, grammatical and structural perspectives to point out similarities and differences between them. The study affirms that press translation (including Vietnamese-Chinese headline translation) serves the purpose of communication. In order to perform effective communication, functional translation theory should be applied as it is appropriate with press translation, making translated text more informative. Finally, based on the results of comparing Vietnamese and Chinese headlines and suggestions from functional translation theory, the study introduces some specific translation strategies as well as particular examples in headlines translation.

Key words: headlines, functional translation theory, translation strategies.

1. Vai trò của đầu đề trong bài báo

Đầu đề bài báo, hay còn gọi là tít báo¹, là một bộ phận cấu thành quan trọng của một bài báo, là dòng đầu tiên xuất hiện trong bài. Nó là con mắt, là linh hồn, quyết định số phận của bài báo đó, “Bài

báo rất hay nhưng đầu đề rất dở thì có thể làm mất ít nhất một nửa số độc giả”².

Chức năng chính của tít là: tóm tắt, giới thiệu thông tin toàn bài; đưa ra đánh giá về nội dung thông tin, thể hiện thái độ, quan điểm của phóng viên khi viết bài; thu hút sự chú ý của người đọc. Trong đó, chức năng thu hút độc giả là nổi bật nhất.

Độc giả báo chí ngày nay gọi chính xác là “độc giả tít báo”, kinh tế ngày càng phát triển, con người ngày càng bận rộn, thời

* TS., Khoa tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Hà Nội

¹ Thuật ngữ “tít” được mượn từ tiếng Pháp, cũng được gọi là đầu đề, nhan đề, tiêu đề. Chúng tôi tán thành quan điểm của Vũ Quang Hào (2012) đề xuất và chấp nhận việc sử dụng thuật ngữ tít như một thuật ngữ báo chí và một từ nghề nghiệp.

² Vũ Quang Hào (2012), *Ngôn ngữ Báo chí*, Nxb Thông tấn, 2012:135.

gian dành cho việc đọc ngày càng ít, mọi người khi đọc báo thường chỉ liếc qua trang báo, tìm kiếm nhanh những gì được cho là cần thiết hoặc quan trọng. Hơn nữa trong một thế giới mà công nghệ truyền thông phát triển như vũ bão, thông tin tràn ngập, thậm chí đến mức dư thừa, việc một tờ báo phải tạo cho mình “thương hiệu”, “bản sắc” riêng càng trở nên quan trọng. Vì vậy, muốn thu hút được độc giả, muốn mọi người lựa chọn tin tức của mình, quan tâm đến tờ báo của mình, người phóng viên phải dành nhiều công sức để viết tít báo.

Một tít báo để thực hiện được các chức năng nêu trên, cần phải đáp ứng được các yêu cầu dưới đây:

a. Trung thực, chính xác:

Đây cũng là nguyên tắc cơ bản trong làm báo hiện đại. Phóng viên viết bài là giúp người đọc nắm bắt được thông tin, kể cho họ những gì diễn ra về một sự kiện nào đó. Tuy cần thu hút người đọc nhưng phóng viên không phải là “tiểu thuyết gia” để hư cấu sự kiện, cũng không phải là “sử học gia” để ghi chép sự kiện, vì vậy khi viết báo cũng như đặt tít, phóng viên phải sử dụng tài liệu thực tế mình có để phản ánh trung thực sự kiện mà mình đưa tin. Tít phải phù hợp với nội dung của tin.

Chính xác có thể hiểu là sự thể hiện cụ thể của trung thực, để trung thực phải chính xác và đưa tin chính xác nghĩa là đưa tin trung thực. Phóng viên cần đảm bảo chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên người, tên cơ quan, tổ chức, các con số... trong tin. Khi dùng từ, đặt câu, viết chính tả cũng cần chính xác. Khi

viết bài, nên tránh dùng những từ quá trừu tượng, lạm dụng việc viết tắt, tránh sử dụng thuật ngữ chuyên môn quá sâu, khiến người đọc khó hiểu, hoặc tránh dùng từ ngữ dễ gây hiểu lầm.

b. Hấp dẫn, ngắn gọn, súc tích:

Đây là yêu cầu để đảm bảo tít có thể thực hiện được chức năng thu hút độc giả. “Một tít hấp dẫn làm cho ngay cả các độc giả lười nhát cũng cảm thấy không cưỡng lại nổi”³. Để đạt được yêu cầu này, phóng viên, biên tập viên cần có trình độ ngôn ngữ tốt, biết vận dụng những thủ pháp tu từ, sử dụng khéo léo thành ngữ, tục ngữ, đặt dấu câu đúng chỗ... Ngoài ra, diện tích trên trang báo bị hạn chế, lại phải ngắn gọn, rõ ràng để thu hút “thậm chí là một cái liếc mắt” của người đọc vì thế tít báo cần ngắn gọn, súc tích. Và đây cũng là cơ hội để phóng viên, biên tập viên thể hiện khả năng sáng tạo của mình, làm tăng tính hấp dẫn của tít.

c. Hình thức trình bày bắt mắt:

Hiệu ứng hình ảnh của tít, gồm: vị trí trên trang, phong chữ, cỡ chữ, độ đậm nhạt, màu sắc... cũng góp phần làm nên hiệu quả của một tít.

2. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa đầu đề báo tiếng Việt và tiếng Trung

2.1. Về từ ngữ

Như đã nói ở trên, ngắn gọn, súc tích là điều kiện cơ bản để tít báo đạt được yêu cầu hấp dẫn. Ngắn gọn cũng là đặc điểm

³ Dẫn theo Vũ Quang Hào (2012): 135.

chung của tín báo tiếng Việt và tiếng Trung. Thậm chí có nhà báo còn cho rằng, từng chữ trong tín phải “đáng giá ngàn vàng”⁴. Ví dụ:

- (1) Sức ép cạnh tranh trên thị trường bán lẻ Việt Nam
- (2) Thẻ trộm đổi thay trên “bàn cờ Xy-ri”
- (3) Đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Giảm chi phí, tăng tiện ích

- (4) 推动 1 亿非户籍人口在城市落户 (thúc đẩy công tác làm hộ khẩu thành phố cho hơn 100 triệu người chưa có hộ khẩu)⁵
- (5) 第十三届中国长春电影节开幕 (Liên hoan phim Trường Xuân lần thứ 13 vừa khai mạc)

Trong các tín báo tiếng Việt và tiếng Trung, các chữ số Ả-rập được dùng khá phổ biến, đó là cách dễ dàng đưa thông tin đến với người đọc:

- (6) Nỗ lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,3% đến 6,5%.
- (7) Xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm đạt 4,3 tỷ USD
- (8) 粤警方打掉一批地下钱庄, 抓获 350 余名嫌疑人 (Cảnh sát tỉnh Quảng Đông vừa phá một đường dây tín dụng đen, bắt hơn 350 nghi phạm)

⁴ Nguyên văn: 字字千金 (tự tự thiên kim). Xem thêm 刘其中 (2004):126

⁵ Chú thích: tất cả các phần tiếng Việt in nghiêng trong ngoặc, sau các ví dụ về tín báo tiếng Trung là phần dịch nguyên văn, giúp độc giả rõ hơn về thông tin và cách diễn đạt trong tiếng Trung - Tác giả.

涉案 2300 余亿元 (Tổng số tiền liên quan đến vụ án lên tới 230 tỷ NDT)

- (9) 2020 年我国环保产业产值超 2.8 万亿元 (Đến năm 2020, tổng giá trị ngành bảo vệ môi trường Trung Quốc sẽ vượt qua con số 2,8 nghìn tỷ NDT)

Trong tín báo tiếng Việt và tiếng Trung thường xuất hiện nhiều từ mới, theo trào lưu đặc biệt trong những tin tức mang tính xã hội, giải trí. Ví dụ:

- (10) Nữ giám đốc 9x được Bộ Công Thương trao tặng bằng khen
- (11) Người dân Colombia “nói không” với phiến quân.
- (12) “猎狐行动”首次从法国引渡逃犯 (“Kế hoạch săn cáo”⁶ lần đầu tiên dẫn độ từ Pháp các tội phạm bỏ trốn)
- (13) 时隔 12 年重登奥运之巅 (Lên bục cao nhất của Thế vận hội sau 12 năm)

中国女排, 赢了! (Đội bóng chuyên nữ Trung Quốc thắng rồi!)

Nếu so sánh, có thể thấy tín báo tiếng Trung ưu thế hơn một chút so với tín tiếng Việt, bởi vì chữ Hán chiếm ít không gian hơn, độ hàm súc cao hơn, và dạng viết tắt sử dụng nhiều hơn. Hay nói cách khác, với cùng một diện tích khuôn trên trang báo, tín báo tiếng Trung sẽ đưa được nhiều thông tin hơn. Chúng ta hãy cùng so sánh các ví dụ sau:

⁶ “Săn cáo” cũng giống như “đả hổ, diệt ruồi”, là cụm từ được báo chí Trung Quốc thường dùng. Cụm từ này chỉ việc truy bắt và tịch thu tài sản của các quan chức tham nhũng Trung Quốc, trốn ra nước ngoài.

Từ ngày 5/11/2016, Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Tập Cận Bình sang thăm Việt Nam. Trong hai ngày 5 và 6/11, báo chí hai nước đều đưa tin về hoạt động này.

(14) Tổng bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và phu nhân thăm cấp nhà nước tới Việt Nam.

(Báo Quân đội Nhân Dân, 5/11/2016)

(15) 离开北京抵达河内 (*Rời Bắc Kinh đến Hà Nội*)

习近平开始对越南进行国事访问
(*Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình bắt đầu chuyến thăm cấp nhà nước đến Việt Nam*)

(《人民日报》 ngày 5/11/2016)

(16) Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, đón, hội đàm, hội kiến với Tổng bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình (Báo Quân đội Nhân Dân, 5/11/2016)

(17) 习近平同越共中央总书记阮富仲会谈 (*Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình hội đàm với “Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam”⁷ Nguyễn Phú Trọng*)

双方一致同意推动中越全面战略合作伙伴关系持续健康稳定发展 (*Hai bên nhất trí đồng ý thúc đẩy quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Trung-Việt tiếp tục phát triển lành mạnh, ổn định*).

(《人民日报》 ngày 5/11/2016)

Có thể thấy cùng một diện tích trên khuôn, nhưng lượng thông tin của tít báo

tiếng Trung nhiều hơn đáng kể so với tiếng Việt. Ngoài ra, tít tiếng Trung cũng sử dụng nhiều dạng viết tắt hơn như chỉ dùng “Tập Cận Bình” khi xưng hô về Tổng Bí thư mà không thêm các từ xưng hô như “Đồng chí, Chủ tịch, Ngài ...”, dùng dạng viết tắt “Việt” thay cho Việt Nam và “Cộng” thay cho “Đảng Cộng sản”.

2.2. Về ngữ pháp

Xét trên cấu trúc ngữ pháp, tít báo có thể chia thành tít dạng Đề-Thuyết (có thể trùng với cụm chủ vị), tít chỉ có phần Đề (một cụm danh từ), tít chỉ có phần Thuyết (đại đa số là một cụm động từ) và dạng tít không xác định thành phần⁸. Cấu trúc ngữ pháp của tít báo tiếng Trung cũng ba dạng chính: kết cấu chủ vị, kết cấu danh từ, kết cấu động tân, và một số dạng kết cấu khác... trong đó kết cấu chủ vị chiếm tỷ lệ đa số, tiếp đến là đoản ngữ động tân, tít là kết cấu danh từ rất hiếm gặp. Ví dụ:

(18) GDP 9 tháng tăng 5,93% (*dạng Đề-Thuyết*)

(19) Chủ tịch nước Trần Đại Quang tiếp xúc cử tri thành phố Hồ Chí Minh (*dạng Đề-Thuyết*)

(20) Việt Nam mong muốn mở rộng

⁸ Trần Thị Thanh Thảo (2009) Đặc điểm của tiêu đề văn bản trong thể loại tin tức. Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, ĐHSP TP Hồ Chí Minh, 2009: 49-50. Tác giả tiến hành khảo sát 1.000 tiêu đề văn bản tin tức điển hình và 1.000 tiêu đề văn bản tin tức không điển hình. Kết quả cho thấy, trong nhóm tin điển hình, tít có dạng Đề-Thuyết chiếm 76,6%, tít chỉ có phần Đề chiếm 2%, tít chỉ có phần Thuyết chiếm 17,1%, còn lại là tít không xác định thành phần (chiếm 4,3%). Trong nhóm tin không điển hình, tít dạng Đề-Thuyết chiếm 62,4%, và tít chỉ có phần Thuyết chiếm 29,7%.

⁷ Nguyên văn dùng hai chữ 越 (Việt) và 共 (Cộng).

hợp tác với Anh và Nam Phi. (dạng Đề-Thuyết)

(21) 《胡锦涛文选》在全国出版发行 (Sách “Văn tuyển Hồ Cẩm Đào” phát hành trên toàn quốc)

(22) 李克强同越南总理阮春福举行会谈 (Lý Khắc Cường tổ chức hội đàm với Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc)

(23) 德奥民众缘何反对与美加签订自贸协议 (Vì sao người dân Đức, Áo lại phản đối Hiệp định Thương mại tự do Âu - Mỹ)

(24) Kiên quyết đẩy lùi các băng nhóm, tệ nạn xã hội (chỉ có phần Thuyết)

(25) Làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Philippines (chỉ có phần Thuyết)

(26) 坚持用发展着的理论指导发展着的实践 (kiên định dùng lí luận đang phát triển chỉ đạo thực tiễn đang phát triển)

(27) 深化公安执法规范化建设 (Làm sâu sắc việc xây dựng quy chuẩn thực thi pháp luật cho lực lượng công an)

(28) Sức hút của nông sản sạch (chỉ có phần Đề)

(29) Đại hội lần thứ XIII Hội đồng Giám mục Việt Nam (chỉ có phần Đề)

(30) 长征的胜利 (Thắng lợi của cuộc Trường Chinh)

(31) 大数据中的教学相长 (Hiệu quả công tác dạy và học qua các con số)

Do ưu thế chữ Hán hàm súc, chiếm ít diện tích, phóng viên hoặc biên tập viên

tiếng Trung khi đặt tít, thường không bị sức ép phải ngắn gọn, đây là cơ hội để họ thể hiện khả năng sáng tạo ngôn ngữ của mình. Trong tít báo tiếng Trung xuất hiện một dạng thức khá đặc biệt đó là “tít câu ghép”. Về đặc điểm hình thức, loại tít này thường có hai vế là hai đoạn ngữ, không dùng dấu câu để tách, cũng rất ít khi dùng quan hệ từ để nối. Về đặc điểm nội dung, hai “vế” đoạn ngữ này có sự đối xứng nhất định về số chữ, về âm tiết, về thành phần cấu tạo. Ví dụ:

(32) 叙利亚停火问题 美暂停与俄谈判

俄表示美推卸责任令叙问题更难解决

(Vấn đề ngừng bắn ở Xy-ri, Mỹ ngừng đàm phán với Nga.

Nga cho rằng Mỹ rũ bỏ trách nhiệm khiến vấn đề Xy-ri càng khó giải quyết)

Trong phần chính của tít, gồm 2 vế, tuy không phải đẳng lập, cũng không thật đối xứng về cấu tạo hay niêm luật, song phóng viên khi đặt tít đã khéo léo tạo ra hai vế có số âm tiết ngang bằng, cách trình bày cân đối bắt mắt, dễ thu hút người đọc.

(33) 刘奇葆在陕西调研时强调

坚定文化自信 服务当代发展

(Đồng chí Lưu Kỳ Bảo khi thị sát tỉnh Thiểm Tây đã nhấn mạnh.

Cần kiên định sự tự tin văn hóa để phục vụ sự phát triển đương đại).

Về số chữ, hai vế đều là 6. Về cấu tạo đều là động từ (坚定, 服务) với tân ngữ (文化自信, 当代发展), hai tân ngữ này

cũng tương đương về cấu tạo, đều là kết cấu danh từ. Về quan hệ ngữ nghĩa, về trước biểu thị điều kiện, về sau biểu thị kết quả: “chỉ khi kiên định sự tin tưởng đối với nền văn hóa của mình, chúng ta mới có thể góp phần vào sự phát triển hiện nay”.

(34) 两眼遮云雾 何以赴前程

(Nguyên văn: *mắt bị mây che mờ, làm sao có thể tiến lên phía trước được*)

Đây là một bài báo đăng trên tờ “Vũ Hán buổi tối” ngày 6 tháng 3 năm 1993, phản ánh tình hình cận thị học đường và những khó khăn của học sinh do căn bệnh này gây ra. Tác giả bài báo đã sử dụng hình ảnh ví von, “mây che mờ mắt” để thu hút sự quan tâm của độc giả về vấn đề này. Hai vế trong tứ giống hai câu thơ ngũ ngôn, âm tiết cuối vế trước kết thúc ở thanh trắc, âm tiết cuối vế sau kết thúc ở thành bằng.

Các ví dụ khác:

(35) 韦德家乡首秀 公牛不敌雄鹿 (Vi Đức lần đầu ra mắt tại quê nhà, Chicago Bulls thua dưới tay Milwaukee Bucks trong giải NBA)

(36) 九九重阳节 浓浓敬老情 (Tết Trùng Dương 9/9 Ấm lịch, sâu nặng tình cảm kính trọng người già)

(37) 礼赞生命 共圆梦想⁹ (Cuộc sống khó khăn nhưng tươi đẹp, người tàn tật cùng chung tay xây dựng ước mơ)

⁹ 礼赞生命 (Lễ tán sinh mệnh) là tên một tác phẩm văn học miêu tả về cuộc đời đầy khó khăn nhưng không kém phần tươi đẹp, con người ta khi đối diện với khó khăn trong cuộc sống phải biết vươn lên, giành lấy ước mơ cho mình.

2.3. Về kết cấu

Một tứ báo đầy đủ sẽ gồm 3 bộ phận cấu thành: tứ dẫn, tứ chính, tứ phụ¹⁰. Tứ dẫn thường cung cấp thời gian, địa điểm, bối cảnh cho tin; tứ chính là phần khái quát nội dung tin, khi dàn trang, tứ chính được trình bày cỡ chữ to, đậm; tứ phụ nằm dưới tứ chính, bổ sung thông tin, cụ thể hóa thông tin cho tứ chính. Dựa trên hình thức thể hiện, tứ báo tiếng Việt được chia tứ thành hai loại: tứ đơn, tứ phức. Tứ đơn là hình thức thường gặp nhất trong tin, tứ phức là tứ có hai thành phần trở lên gồm tứ chính, tứ phụ hoặc tứ dẫn, cũng có khi là cả tứ phụ và tứ dẫn. Ví dụ:

(38) Phiên họp thứ tư của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tứ dẫn)

Thảo luận dự án Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Quy hoạch (tứ chính)

(39) Hợp báo Chính phủ thường kỳ tháng 9/2016 (tứ dẫn)

Kinh tế-xã hội có nhiều điểm sáng. (tứ chính)

(40) Mưa dông diện rộng trên đất liền (tứ chính)

Hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai (tứ phụ)

(41) Xét xử đường dây thâu đê quy mô rất lớn tại TP.HCM: (tứ dẫn)

¹⁰ Về các bộ phận trong tứ, có một số cách gọi khác nhau. Trần Thị Thanh Thảo (2009) gọi là: Thượng đề, Tiêu đề và Hạ đề. Nguyễn Thành Lợi, Phạm Minh Sơn (2014) gọi là tứ phụ, tứ chính, tứ nhỏ. Thuật ngữ trong bài viết này, chúng tôi sử dụng theo Vũ Quang Hào (2012).

Cầm đầu đường dây là diễn viên điện ảnh Nguyễn Hùng. (tít chính)

* Diễn viên trẻ Đức Thanh cùng tham gia. (tít phụ 1)

* Mỗi ngày các sói bạc thu từ 30 đến 40 triệu đồng. (tít phụ 2)

Một dạng tít nữa cũng thường gặp trong tiếng Việt, đó là “tít chùm”, tít chùm thường dùng trong tin đưa về hai hoặc nhiều những hoạt động nhỏ, độc lập trong một sự kiện lớn, chúng được đặt cùng với nhau để độc giả dễ nắm bắt diễn tiến của sự kiện. Khác với mối quan hệ chính-phụ của các thành phần trong tít phức, các “vế” của tít chùm là đẳng lập với nhau. Ví dụ:

(42) Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân bắt đầu chuyến thăm Campuchia

Quốc hội Việt Nam-Lào chia sẻ kinh nghiệm quản lý nợ công

Tin này đưa về các hoạt động trong khuôn khổ chuyến thăm của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đến ba nước Campuchia, Lào, Myanmar và tham dự AIPA37, gồm 4 tin nhỏ: ① hội đàm với Quốc hội Campuchia; ② hội kiến với Thủ tướng Campuchia; ③ cùng Chủ tịch Quốc hội Lào cùng chủ trì Hội thảo “Kinh nghiệm quản lý nợ công”; ④ hội kiến với Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước.

(43) Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp; Chủ tịch nước Trần Đại Quang đón, hội đàm; Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc hội kiến Tổng thống CH Hồi giáo I-ran H.Ru-ha-ni.

* Ra tuyên bố chung và ký các văn kiện hợp tác.

Đây là dạng tin điển hình của Báo Nhân dân khi đưa về các hoạt động thăm viếng của Chính khách cao cấp nước ngoài, cũng như đón tiếp, hội đàm, hội kiến, cùng ra tuyên bố chung và ký kết các văn kiện hợp tác, ngay từ nội dung của tít đã cho thấy khối lượng của thông tin mà tin đó đang chứa.

Ngoài ra, theo quan sát của chúng tôi, trên báo tiếng Việt, một số tin được trình bày mà không có tít, một số nhà nghiên cứu gọi đó là tít zero¹¹. Loại này chủ yếu xuất hiện ở mục Tin vắn, Tin mới nhận hoặc Tin tiếp khách của các báo, hình thức thể hiện là: đầu tin có các ký hiệu “●、✱、■、●”; từ hoặc cụm từ đầu tiên của tin được in đậm. Ví dụ:

(44) ■ **Thủ tướng Xin-ga-po** Lý Hiển Long thăm chính thức Ấn Độ, hội đàm với người đồng cấp nước chủ nhà N.Mô-đi. Hai bên cam kết làm sâu sắc hơn quan hệ song phương và cùng nhau hợp tác trong lĩnh vực như phát triển thành phố thông minh và đào tạo kỹ năng.

(45) ■ **Trước thềm** cuộc họp hằng năm giữa Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Chủ tịch WB Gìm Châng Kim kêu gọi các nước thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu cũng như tăng cường chia sẻ thịnh vượng, nhằm chấm dứt tình trạng nghèo đói.

Chúng tôi không coi đây như một loại tít bởi tuy chúng có chức năng thu hút độc

¹¹ Trần Thị Thanh Thảo (2009): 35.

giả, nhưng đó vẫn là một phần của nội dung tin, gắn chặt với phần sau của tin.

Tít báo tiếng Trung cũng gồm ba bộ phận cấu thành, cũng chia thành tin đơn và tít phức, song vẫn bởi ưu thế hàm súc và chiếm ít diện tích mà trong thực tế sử dụng, tít phức tiếng Trung chiếm tỷ lệ cao hơn, đặc biệt là khi đưa các tin quan trọng, có lượng thông tin nhiều. Ví dụ:

(46) 习近平会见白俄罗斯总理时强调 (tít dẫn)

人民的幸福就是我们最大的执政目标 (tít chính)

(Tổng bí thư Tập Cận Bình khi tiếp Thủ tướng Belarus nhấn mạnh)

Hạnh phúc của người dân là mục tiêu chính trị lớn nhất của chúng ta)

(47) 4 月份非制造业 (tít dẫn)

商务活动指数为 54.5% (tít chính)

(Ngành phi chế tạo trong tháng 4.

Chỉ số hoạt động thương mại đạt 54,5%)

(48) 香港上年度税收创新高 (tít chính)

达 2422 亿港元，年升幅 2%》

(tít phụ)

(Thuế cả năm của Hồng Kông đạt mức kỷ lục.

Đạt 242,2 tỷ HKD, tăng trưởng 2%).

Dạng tít phức gồm 3 thành phần thường xuất hiện khi đưa tin về các sự kiện chính trị quan trọng, song xét về số

tần suất xuất hiện, dạng tít này ít thấy hơn so với hai dạng trên.

(49) 习近平主持召开中央国家安全委员会第一次会议强调 (tít dẫn)

坚持总体国家安全观走中国特色国家安全道路 (tít chính)

李克强张德江出席 (tít phụ)

(Tổng bí thư Tập Cận Bình khi chủ trì Kỳ họp thứ nhất Ủy ban An ninh Quốc gia Trung ương đã nhấn mạnh,

Kiên trì quan điểm An ninh Quốc gia tổng thể, đi theo con đường An ninh Quốc gia đặc sắc Trung Quốc.

Các đồng chí Lý Khắc Cường, Trương Đức Giang cùng tham dự.)

3. Ứng dụng lý thuyết dịch chức năng (LTDCN) vào dịch báo chí

Dịch thuật trong lĩnh vực báo chí có tính mục đích rất rõ rệt. Đích cuối của dịch báo chí là đưa tin cho công chúng – một hành vi truyền thông. Và khác với bản dịch trong dịch văn học, bản dịch trong dịch báo chí có vai trò, nhiệm vụ hoàn toàn ngang bằng với bản gốc bởi nó cũng thực hiện đầy đủ các chức năng của báo chí.

LTDCN hình thành và phát triển trong những thập niên 70-90 của thế kỷ XX, với các đại diện là Katharina Reiss, Hans J.Vermeer, Justa Holz-Manttari và Christiane Nord. Các nhà lý luận dịch chức năng cho rằng, dịch thuật là một hành vi giao tiếp mà trong đó văn bản ngôn ngữ đích sẽ thực hiện một mục đích

cụ thể nào đó¹² mà không nhất thiết phải giống với mục đích của văn bản ngôn ngữ nguồn. Mục đích dịch lại là do “người ủy thác” (người thuê dịch) quyết định, đồng thời, người nhận sẽ tiếp thu bản dịch dựa trên kiến thức, và nguyện vọng riêng của họ, và dịch thuật là văn bản phục vụ cho mục đích hay một người nhận nào đó trong tình huống ngôn ngữ đích. Lý thuyết “chức năng + trung thành” cũng là trọng tâm của lý thuyết dịch thuật chức năng nó giúp tránh xu hướng quá nhấn mạnh việc thực hiện chức năng của dịch thuật, nó giúp điều hòa mối quan hệ giữa giữa người ủy thác – người dịch – văn bản nguồn, đồng thời giải quyết mâu thuẫn cho người dịch, “làm cho người dịch trung thành với phía nguồn dịch thuật và cả phái mục tiêu dịch thuật”¹³.

Chúng tôi nhận thấy, giữa LTDCN và hoạt động dịch báo chí có những điểm chung sau:

- hoạt động báo chí trong đó có dịch báo chí cũng là một hành vi giao tiếp, giao tiếp giữa tờ báo, phóng viên với độc giả;
- hoạt động báo chí có tính mục đích, phóng viên khi đưa tin là có “ý đồ” và bản tin dù là văn bản gốc hay văn bản dịch đều mang một “chức năng” cụ thể;
- tòa soạn (người sở hữu tờ báo) đóng vai trò “người ủy thác” quyết định lựa chọn tin để dịch và đưa, người dịch –

phóng viên – biên tập viên sẽ thực hiện hoạt động dịch thuật theo sự sắp xếp ấy.

- độc giả báo chí như người nhận bản dịch tiếp nhận thông tin một cách chủ động bằng kiến thức, kinh nghiệm và mong muốn của mình. Họ có địa vị cao và tham gia quan trọng vào việc quyết định hoạt động dịch.

- bản dịch phải trung thành với bản gốc, cũng giống như phóng viên đưa tin phải trung thực, chính xác.

Có thể thấy, nếu vận dụng đúng LTDCN vào hoạt động dịch thuật báo chí, quá trình dịch sẽ dễ dàng hơn và hiệu quả công việc sẽ được nâng cao.

4. Một số cách dịch đầu đề báo từ tiếng Việt sang tiếng Trung

Nắm được đặc điểm giống và khác nhau của tit báo giữa hai ngôn ngữ, trên cơ sở LTDCN, người dịch sẽ có nhiều thuận lợi hơn khi dịch tit từ tiếng Việt sang tiếng Trung.

Khi dịch tit, thường có ba cách chính sau đây:

4.1. Dịch toàn bộ thông tin

Dịch toàn bộ là cách dịch chủ yếu, thường sử dụng trong dịch tit, ưu điểm của nó là có thể giữ được đầy đủ thông tin của tit gốc, vừa đảm bảo yêu cầu chính xác, trung thực, vừa giúp người đọc tiếng Trung tiếp thu đầy đủ thông tin. Khi dịch toàn bộ thông tin của tit gốc có thể áp dụng hai cách dịch: trực dịch và dịch ý.

Các ví dụ về trực dịch:

(50) Đoàn đại biểu báo chí Việt Nam thăm thành phố Trùng Khánh (Trung Quốc)

¹² Theo Nord mục đích gồm hai phương diện, “ý đồ” và “chức năng”. “Ý đồ” định nghĩa từ góc độ người gửi, “chức năng” lại căn cứ cầu mong, nhu cầu, kiến thức vốn có và điều kiện tình huống của người nhận. Dẫn theo Trần Bích Lan (2010)

¹³ Trần Bích Lan (2010)a:18

Dịch: 越南新闻媒体代表团对中国重庆市进行访问

(51) Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Khu kinh tế Nghi Sơn Thanh Hóa

Dịch: 阮富仲总书记视察清化宜山经济区

(52) Nâng cao hiệu quả sử dụng các quỹ hợp tác ASEAN

Dịch: 提高东盟基金会的利用效率

Các ví dụ về dịch ý hoặc kết hợp giữa dịch ý và trực dịch:

(53) **Nâng bước** học sinh dân tộc thiểu số đến trường

Dịch: 帮助少数民族孩子也能够上学

Bài báo đưa tin về những chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước đã giúp các em học sinh dân tộc thiểu số ở tỉnh Bắc Cạn vượt qua khó khăn để đến trường. Nghĩa đen của “nâng bước...” là “把脚步提起来” được dùng với nghĩa “协助、帮助” (giúp đỡ, hỗ trợ).

(54) **Lấp “hố”** gần nông phẩm hữu cơ với thị trường

Dịch: 拉近有机农产品与市场的距离

: 实现有机农产品与市场的互联互通

(Thu hẹp khoảng cách giữa nông sản hữu cơ và thị trường)

(Thực hiện việc liên kết giữa nông sản hữu cơ và thị trường)

(55) Đề án kiểm tra khí thải mô tô, xe máy

Hậu kiểm chặt chẽ để tránh “Đục nước béo cò”

Dịch: 摩托车尾气监测项目:

加强复检工作 不让“渔翁得利”

(Đề án giám sát khí thải mô tô: tăng cường công tác kiểm tra, không để “ngư ông đắc lợi”)

4.2. Thêm, bớt thông tin

Với một số từ, nền tảng vẫn là trực dịch hoặc dịch ý nhưng có thể thêm hoặc bớt thông tin so với từ gốc. Như đã nêu ở phần trên, sự khác nhau nổi bật giữa từ báo hai thứ tiếng là từ tiếng Việt ngắn hơn, ít thông tin hơn so với tiếng Trung, vì thế để phù hợp với thói quen, thị hiếu người đọc, trong nhiều trường hợp, các thông tin khác sẽ được lấy từ phần thân từ để đưa vào từ dịch. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, cách thêm thông tin khi dịch có tỷ lệ cao hơn, cũng có trường hợp vừa thêm, vừa bớt thông tin khi dịch:

(56) Xóa bỏ bất bình đẳng giới từ ngay trong mỗi gia đình

Dịch: 致力消除家庭里的性别不平等

(Nỗ lực xóa bỏ sự bất bình đẳng giới trong gia đình)

Trong từ dịch đã bổ sung thêm cụm từ “致力” (nỗ lực), biến động từ thành cụm từ 4 chữ – một đặc sắc của từ ngữ tiếng Trung “致力消除” (trí lực tiêu trừ).

(57) Xuất khẩu tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2013

Dịch: 2014 年前 8 个月越南出口额同比增长 14.1%

(8 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng 14,1% so với cùng kỳ)

Đây là một tin về tình hình xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2014. Ở đây người dịch đã đưa thêm thông tin “2014 年前 8 个月” (8 tháng đầu năm 2014) và “越南” (Việt Nam) khiến tin được rõ ràng, cụ thể hơn.

(58) Mít tinh kỉ niệm ngày quốc tế người cao tuổi

Dịch: 河内举行集会 庆祝国际老年人日

(Hà Nội tổ chức mít tinh, chào mừng ngày quốc tế người cao tuổi)

Trong tin trên, người dịch đã thêm thông tin “河内举行” (Hà Nội tổ chức) đồng thời bố cục lại kết cấu so với tin gốc, chuyển từ dạng tin chỉ có phần đề thành tin đơn gồm hai vế theo cách thường dùng của tin tiếng Trung.

(59) Bí thư Thành ủy tiếp xúc cử tri Phúc Thọ - Thạch Thất trước kỳ họp 2.

Dịch: 黄忠海书记会见福寿县和石室县选民

(Bí thư Thành ủy Hà Nội Hoàng Trung Hải gặp gỡ cử tri Thạch Thất, Phúc Thọ)

Tít dịch đã bớt thông tin “trước kỳ họp 2” của tít gốc. Các thông tin bị lược tuy không còn trong tít dịch nhưng vẫn xuất hiện trong sa-pô tin. Ngoài ra cụm từ “Bí thư Thành ủy” được dịch bằng “黄忠海书记” (Bí thư Hoàng Trung Hải), vì như vậy phù hợp với thói quen diễn đạt trong tiếng Trung.

(60) Ký kết hợp đồng trị giá 23,7 tỷ yên xây 2 nhà ga tuyến metro

Dịch: 胡志明市与日本企业签署合同 承包建设地铁站工程

(Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp Nhật Bản ký kết hợp đồng thầu xây dựng dự công trình ga tàu điện ngầm)

Tít dịch đã bớt thông tin “23,7 tỷ yên” và “2 nhà ga” trong tít gốc, song bổ sung thêm “胡志明市与日本企业” (tp. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp Nhật Bản) và “承包” (nhận thầu). Các thông tin bổ sung đều được lấy từ nội dung tin. Độc giả vẫn có thể tìm thấy thông tin bị lược trong tít tại phần thân của bản tin.

4.3. Bố cục lại kết cấu đầu đề

Đây là cách dịch chịu nhiều ảnh hưởng của lý thuyết mục đích (skopos) trong dịch thuật, tít dịch không tìm sự tương đương với tít gốc mà dựa trên mục đích đưa tin + trung thành với thông tin trong tin gốc để thực hiện hành vi dịch. Hay nói một cách đơn giản, người dịch đã biên tập lại bằng cách thay đổi cấu trúc ngữ pháp bên trong và cấu trúc liên kết các thành phần của tít gốc. Bố cục lại tít là sự tổng hợp của trực dịch, dịch ý và dịch thêm, bớt thông tin.

(61) Lễ động thổ trường Quốc tế Pháp Alexandre Yersin tại Hà Nội

Dịch: 动工建设亚历山大·耶尔森法国国际学校

(Động thổ xây dựng trường Quốc tế Pháp Alexandre Yersin)

Tuy tít dịch không thêm thông tin so với tít gốc, song cấu trúc của tít gốc là

dạng chỉ có phần Đề, nhưng trong tí dịch là cụm động từ tân ngữ.

(62) Hội nghị quốc tế về Biển Đông tại Ma-lai-xi-a

Dịch: 东海国际研讨会在马来西亚举行

(Hội thảo quốc tế về Biển Đông được tổ chức tại Ma-lai-xi-a)

Tít gốc có cấu trúc chỉ có phần Đề (một cụm danh từ), trong đó “tại Ma-lai-xi-a” là định ngữ của “Hội nghị”. Trong tí dịch, từ “举行” (tổ chức) được thêm vào và cấu trúc cũng chuyển thành cụm chủ vị, trong đó “在马来西亚” là trạng ngữ của “举行”.

(63) Kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Dịch: 河内师范大学成立 65 周年纪念仪式隆重举行

(Lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được tổ chức long trọng)

Tít dịch đã thêm thông tin “隆重举行” (được tổ chức long trọng). Cấu trúc của tí từ dạng chỉ có phần Thuyết (cụm động từ) chuyển thành cụm chủ vị.

(64) Tập huấn cán bộ chuẩn bị cho kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ

Dịch: 庆祝奠边府大捷 60 周年:

开展干部培训做好各方准备

(Kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ:

Triển khai tập huấn cán bộ, làm tốt các công tác chuẩn bị)

Nếu dùng đáp án trực dịch “开展干部培训” làm chủ ngữ, “培训工作” làm vị ngữ, “举办庆祝奠边府大捷 60 周

年活动做好准备” làm túc, sẽ khiến độc giả thấy rườm rà, khó hiểu. Vì vậy tí dịch đã biên tập lại đưa thông tin “kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ” vào phần túc dẫn. Bố cục lại nhóm thông tin còn lại thành hai vế có quan hệ kế thừa tăng tiến.

(65) Học viện Quốc phòng khai giảng năm học mới

Dịch: 国防学院举行开学典礼 *(Tít chính)*

吴春历大将出席并发表重要讲话 *(tít phụ)*

(Học viện Quốc phòng tổ chức lễ khai giảng năm học mới)

Đại tướng Ngô Xuân Lịch đến dự và phát biểu ý kiến)

Tít dịch lấy thêm thông tin trong phần sa-pô, đưa làm tí phụ.

(66) Diễn đàn Kinh doanh và Đầu tư Hongkong – Việt Nam

Dịch: 越南香港投资经易论坛 13 日举行 *(Tít chính)*

阮春福总理出席 呼吁港商加大对越投资 *(tít phụ)*

(Diễn đàn đầu tư thương mại Việt Nam – Hồng Kông được tổ chức ngày 13. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tham dự, kêu gọi doanh nghiệp Hồng Kông tăng cường đầu tư vào Việt Nam)

Tít dịch bổ sung thông tin thời gian cho tí chính, thay đổi cấu trúc từ dạng chỉ có phần Thuyết thành dạng cụm chủ vị, đồng thời lấy thêm các thông tin của thân tin đưa lên làm tí phụ.

(67): Trường Lộc Thọ (thành phố Nha Trang, Khánh Hòa)

Trao gần 80 triệu đồng ủng hộ
Trường Sa

Dịch: 禄寿小学向长沙群岛军民捐赠
8000 万越盾

(*Trường Tiểu học Lộc Thọ tặng 80 triệu đồng cho quân dân Trường Sa*)

Tít gốc gồm tít dẫn và tít chính, song tít dịch đã ghép thông tin thành một tít đơn có cấu trúc dạng Đề-Thuyết.

5. Kết luận

Dịch tít báo, tuy chỉ là một khâu trong cả quy trình dịch báo chí, song bởi tít đóng vai trò quan trọng trong bài báo, nên hoạt động này cũng cần được sự quan tâm đầy đủ. Ứng dụng lý thuyết dịch chức năng vào dịch báo chí nói chung hay dịch tít báo nói riêng, có thể trả lời được nhiều câu hỏi như: dịch để làm gì, dịch cho ai, dịch như thế nào... Nhờ đó người dịch gặp nhiều thuận lợi hơn và bản dịch đạt chất lượng cao hơn. Khi dịch tít báo, người dịch không cố gắng đi tìm sự tương đương về từ ngữ, về cấu trúc giữa tít gốc và tít dịch, mục đích của dịch tít là đưa một thông tin mới bằng tiếng Trung đến cho độc giả tiếng Trung – những người vốn đã có một thói quen, một nền tảng kiến thức, một nhu cầu tìm kiếm thông tin khác với độc giả tiếng Việt. Do sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, cũng như nhu cầu thông tin, có trường hợp, chức năng của tít

dịch không tương đương với chức năng tít gốc, song vẫn cần khẳng định một điểm mấu chốt: khi nhấn mạnh vào chức năng của tít dịch, người dịch cần kết hợp chặt chẽ với yêu cầu “trung thành” – tiêu chí quan trọng trong mọi lý thuyết dịch thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 安令娟. “浅析英汉互译中的直译与意译”. *语言文化*, 2013(1): 117, 179.
2. 陈晓璐. *纽马克翻译理论下的新闻标题的翻译研究*. 西安: 西安电子科技大学. 硕士学位论文, 2013.
3. 刘宓庆. *文体与翻译*. 北京: 中国对外翻译出版公司, 2004.
4. 刘其中. *英汉新闻翻译*. 北京: 清华大学大学出版社, 2009.
5. 吴波朱建平. *新闻翻译: 理论与实践*. 杭州: 浙江大学出版社, 2011.
6. Nguyễn Đức Dân, *Ngôn ngữ báo chí những vấn đề cơ bản*, Nxb. Giáo dục, 2007.
7. Nguyễn Thành Công. *Nghiên cứu xây dựng giáo trình Dịch báo chí Trung-Việt*, Đề tài cấp cơ sở, Trường Đại học Hà Nội, 2016.
8. Vũ Quang Hào, *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb. Thông tấn, 2012.
9. Trần Bích Lan, Lý thuyết dịch thuật chức năng của C.Nord. *Ngôn ngữ và đời sống*, số 3(2010): 17-19, 37.
10. Trần Bích Lan, Lý thuyết dịch thuật chức năng của C.Nord. *Ngôn ngữ và đời sống*, số 4(2010)a: 17-19, 37.
11. Nguyễn Thành Lợi, Phạm Minh Sơn, *Thông tấn báo chí Lý thuyết và Kỹ năng*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, 2014.
12. Hoàng Văn Vân, *Nghiên cứu dịch thuật*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2005.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 27/10/2016, duyệt đăng ngày 30/6/2017)